

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo: Quản lý và Phát triển du lịch

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã ngành: 7340418

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Thời gian đào tạo: 4 năm

Tổng số tín chỉ yêu cầu: 135 tín chỉ

Tên văn bằng: Quản lý và phát triển du lịch

Nơi cấp bằng: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*(Ban hành tại quyết định số: /QĐ-HVN ngày tháng năm 2026 của Giám đốc
Học viện Nông nghiệp Việt Nam)*

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra:

1.1 Mục tiêu chương trình

✓ **Mục tiêu chung:** Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý và phát triển du lịch đào tạo cử nhân có khả năng quản lý và phát triển bền vững các hoạt động du lịch, có đầy đủ kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản lý và phát triển du lịch, đồng thời có khả năng tích hợp hiệu quả giữa du lịch và nông nghiệp, nông thôn. Bên cạnh đó người học có kỹ năng nghề du lịch, kỹ năng quản trị, năng lực đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất đạo đức, trách nhiệm xã hội và ý thức phục vụ cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế và nâng cao giá trị tài nguyên du lịch Việt Nam.

✓ **Mục tiêu cụ thể:** Người học sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý và Phát triển du lịch sẽ:

PO1: Trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản lý và phát triển du lịch; hiểu biết về phát triển du lịch bền vững, đồng thời có khả năng tích hợp liên ngành giữa du lịch với nông nghiệp, nông thôn và sinh thái trong thiết kế và phát triển sản phẩm du lịch.

PO2: Hình thành cho người học kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch; kỹ năng quản trị, tổ chức và điều hành hoạt động du lịch; năng lực đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; khả năng ứng dụng công nghệ và thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập.

PO3: Phát triển cho người học phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm xã hội, ý thức phục vụ cộng đồng; có tác phong chuyên nghiệp, chủ động, sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế và nâng cao giá trị tài nguyên du lịch Việt Nam theo hướng bền vững.

1.2 Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra CTĐT	Mức theo thang Bloom
Kiến thức chung		
PLO1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái , môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực quản lý và phát triển du lịch.	PI1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực quản lý và phát triển du lịch. PI1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực quản lý và phát triển du lịch. PI1.3. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực quản lý và phát triển du lịch.	Mức 3: Áp dụng
PLO2. Áp dụng kiến thức cơ sở ngành thuộc phạm trù toán học, thống kê, kinh tế, kế toán, marketing trong hoạt động quản lý và phát triển du lịch tại doanh nghiệp/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương.	PI3.1. Áp dụng được các kiến thức toán học, thống kê cơ bản trong giải quyết các vấn đề về quản lý và phát triển du lịch tại doanh nghiệp/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương. PI3.2. Áp dụng được các kiến thức kinh tế, kế toán, marketing cơ bản trong giải quyết các vấn đề về quản lý và phát triển du lịch tại doanh nghiệp/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương.	Mức 3: Áp dụng
Kiến thức chuyên môn		
PLO3. Áp dụng được kiến thức chuyên sâu về quản trị trong kinh doanh dịch vụ du lịch-lữ hành và khách sạn nhà hàng tại doanh nghiệp/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương.	PI3.1 Áp dụng được kiến thức chuyên sâu về quản trị du lịch và kinh doanh khách sạn nhà hàng tại doanh nghiệp du lịch-lữ hành/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương.	Mức 3: Áp dụng

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra CTĐT	Mức theo thang Bloom
ngành/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương.	PI3.2. Áp dụng được kiến thức chuyên sâu về quản trị tài chính tại doanh nghiệp du lịch-lữ hành/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương. PI3.3. Áp dụng được các kiến thức về quản lý văn hóa - lịch sử và tiêu chuẩn dịch vụ trong doanh nghiệp du lịch-lữ hành/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương.	
PLO4: Xây dựng chiến lược, kế hoạch, dự án du lịch cho doanh nghiệp/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương.	PI4.1 Xây dựng chương trình và dự án du lịch (du lịch nói chung, du lịch nông nghiệp và sinh thái, du lịch cộng đồng) cho doanh nghiệp/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương. PI4.2. Xây dựng sản phẩm du lịch và đồ án du lịch cho doanh nghiệp/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương.	Mức 6: Sáng tạo
Kĩ năng chung		
PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực quản lý và phát triển du lịch.	PI5.1: Ứng xử phù hợp với các bên liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ. PI5.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn PI5.3. Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.	Mức 3: Làm chính xác
PLO6: Phối hợp làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong công việc.	PI6.1. Phối hợp làm việc nhóm và có những đóng góp mang lại hiệu quả PI6.2. Trao đổi kiến thức và kinh nghiệm với các thành viên trong nhóm mang đến lợi ích cho cả hai phía	Mức 4: Phối hợp
Kĩ năng chuyên môn		
PLO7: Sử dụng các kỹ năng về tổ chức, quản lý trong hoạt động du lịch thực tiễn.	PI7.1. Sử dụng kỹ năng tổ chức hoạt náo trong tổ chức hoạt động du lịch. PI7.2. Sử dụng các kỹ năng thiết kế, điều hành trong tổ chức hoạt động du lịch.	Mức 3: Sử dụng thành thạo

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra CTĐT	Mức theo thang Bloom
	PI7.3. Sử dụng các kỹ năng hướng dẫn du lịch trong tổ chức hoạt động du lịch.	
PLO8: Sử dụng các kỹ năng nghề du lịch trong tổ chức hoạt động du lịch thực tiễn tại doanh nghiệp/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương.	PI8.1. Sử dụng thành thạo các kỹ năng lễ tân và giao tiếp trong tổ chức hoạt động du lịch tại doanh nghiệp/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương. PI8.2. Sử dụng thành thạo các kỹ năng tổ chức sự kiện trong tổ chức các hoạt động du lịch tại doanh nghiệp/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương. PI8.3. Sử dụng thành thạo các kỹ năng tổ chức du lịch MICE tại các doanh nghiệp/ cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương.	Mức 3: Sử dụng thành thạo
PLO9: Thực hiện các nghiên cứu thuộc lĩnh vực du lịch trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành.	PI9.1. Xác định đúng các vấn đề của lĩnh vực quản lý-phát triển du lịch cần khảo sát hay nghiên cứu. PI9.2. Áp dụng hợp lý các phương pháp nghiên cứu vào lĩnh vực quản lý-phát triển du lịch. PI9.3. Đưa ra kết luận hợp lý hay đề xuất giải pháp khả thi.	Mức 3: Thực hiện
Tự chủ và trách nhiệm		
PLO10: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	PI10.1: Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn. PI10.2 Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.	Mức 3: Nội tâm hoá

* Ghi chú: Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đối sánh với các chương trình đào tạo Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Đại học Kinh tế quốc dân; CTĐT Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, ĐH Khoa học XH & Nhân văn, ĐH Quốc Gia Hà Nội; CTĐT Quản trị Du lịch và khách sạn, ĐH RMIT.

2. Cơ hội việc làm và định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

• Lĩnh vực

Người học sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành quản lý và phát triển du lịch có thể làm việc tại các tổ chức và doanh nghiệp du lịch thuộc các lĩnh vực sau:

- Lĩnh vực lữ hành: Hướng dẫn viên du lịch, đại lý du lịch, trợ lý khách sạn, nhân viên tiếp tân, tư vấn du lịch, điều phối du lịch

- Lĩnh vực dịch vụ khách hàng và chăm sóc khách hàng: Phụ trách các hoạt động thiết kế, cung ứng và dịch vụ khách hàng, chăm sóc khách hàng;
- Lĩnh vực nghiên cứu thị trường: Đảm nhận các công việc nghiên cứu và phân tích thị trường trong các công ty chuyên nghiên cứu thị trường, hay bộ phận nghiên cứu thị trường của công ty;
- Lĩnh vực truyền thông: Thực hiện các hoạt động thiết kế và quản trị các chương trình truyền thông, quảng bá (quảng cáo, tổ chức sự kiện) về du lịch;
- Lĩnh vực quản lý nhà nước về du lịch: các cơ quan, ban ngành về du lịch.
- Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, giảng viên đào tạo về du lịch trong các trường đại học, các viện đào tạo

● *Vị trí*

- Hướng dẫn viên du lịch, đại lý du lịch, trợ lý khách sạn, nhân viên tiếp tân, tư vấn du lịch, điều phối du lịch;
- Thiết kế, cung ứng dịch vụ khách hàng, chăm sóc du khách;
- Nghiên cứu và phân tích thị trường du lịch, hay bộ phận nghiên cứu thị trường của các công ty kinh doanh du lịch;
- Thiết kế và quản trị các chương trình truyền thông, quảng bá (quảng cáo, tổ chức sự kiện) về du lịch;
- Nhân viên trong các phòng ban, đơn vị cơ quan, ban ngành, dự án về du lịch;
- Nghiên cứu viên, giảng viên đào tạo về du lịch

● *Nơi làm việc*

- Các công ty du lịch và lữ hành
- Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch
- Các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận
- Các trường học, viện nghiên cứu
- Nhà hàng, khách sạn, cơ sở lưu trú
- Các điểm đến du lịch

● *Cơ hội học tập sau khi tốt nghiệp*

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể học tiếp các chương trình đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ trong nước và quốc tế ngành Quản lý du lịch, Quản trị kinh doanh, Du lịch, Văn hóa học và các ngành liên quan khác.

3. Đối tượng tuyển sinh và Phương thức tuyển sinh:

Ứng viên phải đáp ứng các yêu cầu chung và cụ thể của Học viện để được nhận vào chương trình:

● *Đối với sinh viên Việt Nam:*

- Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT, trúng tuyển qua kỳ thi tuyển sinh do Bộ Giáo dục và đào tạo tổ chức.

- Học sinh đã tốt nghiệp THPT và đạt các giải cao trong kì thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế về Công nghệ thông tin được xét tuyển thẳng.

• **Đối với sinh viên quốc tế (nếu có, vd SV Lào, Campuchia...):** Theo quy định chung của HV.

4. Triết lý giáo dục và Chiến lược dạy và học

• **Triết lý giáo dục**

Learning by doing, học tập thông qua trải nghiệm, làm việc thực tế. học tập suốt đời thông qua quá trình học tập trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

• **Chiến lược dạy và học**

Chiến lược lấy người học làm trung tâm, phát huy tối đa tiềm năng và thể mạnh của người học. Xây dựng lộ trình học tập hiệu quả cả trong và ngoài lớp học. Hướng dẫn và tư vấn người học kịp thời để phát huy cao tinh thần tự học, tích cực tìm tòi, đổi mới, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học.

5. Phương pháp đánh giá Phương pháp đánh giá: từ đầu vào của CTĐT, đánh giá quá trình trong các học phần và đánh giá tổng kết, cuối kì, đánh giá đầu ra tuân theo quy định *Về dạy và học đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số: 1386/QĐ-HVN ngày 27 tháng 5 năm 2016 và được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số: 2790/QĐ-HVN ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam* và chi tiết trong từng đề cương học phần.

6. Thang điểm, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm 10 đối với các học phần, sau đó quy đổi thành thang điểm 4. Thang điểm quy đổi đối với học phần như sau:

T T	Thang điểm 10	Thang điểm 4		Đạt/ không đạt	Xếp loại kết quả học tập
		Điểm chữ	Điểm số		
1	Từ 8,5 – 10	A	4,0	Đạt	Giỏi
2	Từ 8,0 – 8,4	B+	3,5	Đạt	Khá
3	Từ 7,0 – 7,9	B	3,0	Đạt	Khá
4	Từ 6,5 – 6,9	C+	2,5	Đạt	Trung bình
5	Từ 5,5 – 6,4	C	2,0	Đạt	Trung bình
6	Từ 5,0 – 5,4	D+	1,5	Đạt	Trung bình kém
7	Từ 4,0 – 4,9	D	1,0	Đạt	Trung bình kém

8	Dưới 4,0	F	0	Không đạt	Kém
---	----------	---	---	-----------	-----

Thang điểm xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

T T	Điểm trung bình chung tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp
1	3,60 – 4,00	Xuất sắc
2	3,20 - 3,59	Giỏi
3	2,50 - 3,19	Khá
4	2,00 - 2,49	Trung bình
5	< 2,00	Không đạt

Quy trình đào tạo: Sinh viên tích lũy đủ 135 tín chỉ của CTĐT với 45 tín chỉ đại cương, 18 tín chỉ cơ sở ngành, 87 tín chỉ chuyên ngành (60 tín chỉ bắt buộc, 27 tín chỉ tự chọn). Sinh viên hoàn thành chứng chỉ với 2 tín chỉ giáo dục thể chất, 11 tín chỉ giáo dục quốc phòng, 6 tín chỉ kỹ năng mềm và thi chuẩn đầu ra tin học, chuẩn đầu ra B1 Tiếng Anh. Các học phần được sắp xếp trong 8 học kì, tương đương 4/5 năm.

Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp khi tích lũy đủ 135 tín chỉ của CTĐT; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; tiếng Anh tối thiểu đạt B1 theo khung tham chiếu chung châu Âu hoặc tương đương; có chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh (điểm của học phần về thể chất và giáo dục quốc phòng không tính vào điểm tích lũy chung); có chứng chỉ kỹ năng mềm; hoàn thành bản thanh toán ra trường và nghĩa vụ lao động sinh viên; có đơn gửi Ban Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hơn hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học.

7. Cấu trúc và nội dung chương trình

CÁC MÔN ĐẠI CƯƠNG (45 TC) CHÍNH TRỊ: 11 TC - BB

1. Triết học Mác – LeNin: 3 TC
2. Kinh tế chính trị Mác – LeNin: 2 TC
3. Chủ nghĩa KHXH 2 TC
4. Tư tưởng HCM: 2 TC
5. Lịch sử Đảng CSVN: 2 TC

PHÁP LUẬT: 4 TC - BB

1. Pháp luật đại cương: 4 TC

NGOẠI NGỮ - 5TC - BB

1. Tiếng Anh 1: 2 TC
2. Tiếng Anh 2: 3TC

KHOA HỌC – XÃ HỘI (3 TC)

1. Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng: 3TC

KHOA HỌC – TỰ NHIÊN, MÔI TRƯỜNG

1. Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh: 4TC
2. Tổ chức và quản lý kinh tế: 3TC
3. Thương mại và hội nhập quốc tế 3TC
4. Sinh thái và môi trường 4TC
5. Nông nghiệp hiện đại: 4TC

KIẾN THỨC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (4TC - BB)

1. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số: 4 TC

KỸ NĂNG MỀM (6 TC) chọn 3 trong 10 học phần

1. Kỹ năng giao tiếp: 2TC
2. Kỹ năng lãnh đạo: 2 TC
3. Kỹ năng QL bản thân: 2TC
4. KN tìm kiếm việc làm: 2TC
5. KN làm việc nhóm: 2 TC
6. KN hội nhập QT: 2TC
7. KN khởi nghiệp: 2TC
8. KN bán hàng: 2TC
9. KN thuyết trình: 2TC
- 10: KN làm việc với các bên liên quan: 2TC

CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH (CORE) 18 TC

BẮT BUỘC: 18 TC

1. Nguyên lý kinh tế: 3TC
2. Nguyên lý kế toán: 3 TC
3. Marketing căn bản: 3 TC
4. Nguyên lý thống kê: 3 TC
5. Cơ sở toán cho các nhà kinh tế: 3TC
6. Phương pháp nghiên cứu khoa học: 3TC

CÁC MÔN ĐIỀU KIỆN

1. Giáo dục thể chất
2. Giáo dục quốc phòng

TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ (10 TC)

1. Thực tập nghề nghiệp Quản lý và Phát triển du lịch: 10TC

Sơ đồ Block ngành QL &PTDL

CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH (MAJOR) 37TC

1. Kinh tế và marketing du lịch: 4TC
2. Du lịch nông nghiệp và sinh thái: 4TC
3. Tổng quan quản lý và phát triển du lịch: 4TC
4. Quản trị du lịch: 3TC
5. Kinh doanh khách sạn và nhà hàng: 3TC
6. Quản trị tài chính trong du lịch: 3TC
7. Nghiệp vụ hướng dẫn và hoạt náo: 3TC
8. Văn hóa du lịch và quản lý di sản văn hóa: 3TC
9. Thiết kế và điều hành chương trình du lịch: 3TC
0. Xây dựng đồ án và sản phẩm du lịch: 4TC
- 1: Tổ chức chương trình du lịch: 3TC

TỰ CHỌN

(Chọn tối thiểu 14 tín chỉ)

1. Du lịch MICE: 3TC
2. Nghiệp vụ lễ tân khách sạn: 3TC
3. Du lịch bền vững và tiêu chuẩn dịch vụ du lịch: 3TC
4. Phát triển du lịch cộng đồng: 3TC
5. Nguyên lý thương mại điện tử: 3TC
6. Hệ thống QLCL và VH ATTP: 3TC
7. Quản trị thương mại điện tử: 3TC
8. Quản trị bán hàng: 3TC
9. Tiếng Trung 1: 2TC
10. Kỹ năng tổ chức sự kiện: 3TC

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 10 TC

CỦ NHÂN
QL&PTDL

135 TÍN CHỈ

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Chuyên sâu 1				Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết
					Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC		
TỔNG SỐ PHẦN ĐẠI CƯƠNG					45	45	0			
1	1	XH91001	Pháp luật đại cương	Introduction to laws	4.0	4.0	0.0	BB		
2	1	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Political economy of Marxism and Leninism	2.0	2.0	0.0	BB		
3	1	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Socialism	2.0	2.0	0.0	BB		
4	1	XH91075	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	The history of Vietnamese communist party	2.0	2.0	0.0	BB		
5	1	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh ideology	2.0	2.0	0.0	BB		
6		XH91047	Triết học Mác – Lê Nin	Philosophy of Marxism and Leninism	3.0	3.0	0.0	BB		
7	2	DN91034	Tiếng Anh 1	English 1	2.0	2.0	0.0	BB		
8	2	DN91035	Tiếng Anh 2	English 2	3.0	3.0	0.0	BB		
9	1	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Information technology and digital transformation	4.0	4.0	0.0	BB		
10	1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Psychology and Public Speaking	3.0	3.0	0.0	BB		
11	1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Entrepreneurship and Business Culture	4.0	4.0	0.0	BB		
12	2	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	Economic organization and management	3.0	3.0	0.0	BB		

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Chuyên sâu 1				Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết
					Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC		
13	1	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	Trade and International Integration	3.0	3.0	0.0	BB		
14	1	TM91012	Sinh thái và môi trường	Ecology and Environment	4.0	4.0	0.0	BB		
15	1	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	Modern agriculture	4.0	4.0	0.0	BB		
TỔNG SỐ PHẦN CƠ SỞ NGÀNH					18	18	0			
16	1	KT92025	Nguyên lý kinh tế	Principles of Economics	3.0	3.0	0.0	BB		
17	2	KE92001	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	3.0	3.0	0.0	BB		
18	2	KE92064	Marketing căn bản	Principles of marketing	3.0	3.0	0.0	BB		
19	2	KT92104	Nguyên lý thống kê	Principles of Statistics	3.0	3.0	0.0	BB		
20	1	TH92029	Cơ sở toán cho các nhà kinh tế	Fundamental Mathematics for Economists	3.0	3.0	0.0	BB		
21	2	DN93015	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research methodology	3.0	3.0	0.0	BB		
TỔNG SỐ PHẦN CHUYÊN NGÀNH					87	67	20			
22	3	DN94018	Kinh tế và marketing du lịch	Tourism industry and marketing	4.0	4.0	0.0	BB	Marketing căn bản	KE92064
23	3	DN94017	Du lịch nông nghiệp và sinh thái	Agricultural tourism and Eco-tourism	4.0	4.0	0.0	BB		
24	3	DN04015	Tổng quan Quản lý và Phát triển du lịch	Tourism Geography	4.0	3.0	1.0	BB		
25	3	DN94003	Quản trị du lịch	Tourism Management	3.0	3.0	0.0	BB		

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Chuyên sâu 1				Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết
					Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC		
26	1	DN94005	Kinh doanh khách sạn và nhà hàng	Hotel and Restaurant Operations Management	3.0	2.0	1.0	BB		
27	4	DN94004	Quản trị tài chính trong du lịch	Financial Management in Tourism	3.0	3.0	0.0	BB		
28	4	DN94025	Kỹ năng tổ chức sự kiện	Event Management	3.0	1.5	1.5	BB		
29	4	DN94026	Du lịch MICE	MICE Tourism	3.0	2.0	1.0	TC		
30	4	DN94019	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	Hotel Receptionist	3.0	3.0	0.0	TC		
31	3	DN94001	Du lịch bền vững và tiêu chuẩn dịch vụ du lịch	Sustainable Tourism Development	3.0	3.0	0.0	TC		
32	3	DN94002	Phát triển du lịch cộng đồng	Community Based Tourism	3.0	3.0	0.0	TC		
33	3	KE94073	Nguyên lý thương mại điện tử	Principles of E-commerce	3.0	3.0	0.0	TC		
34	4	CP94063	Hệ thống QLCL và Văn hóa ATTP	Food Quality Management Systems and Food Safety Culture	3.0	3.0	0.0	TC		
35	3	KE94076	Quản trị thương mại điện tử	E-Commerce Management	3.0	3.0	0.0	TC		
36	4	KE94037	Quản trị bán hàng	Sales management	3.0	3.0	0.0	TC		
37	4	DN94083	Tiếng Trung 1	Chinese 1	2.0	1.0	1.0	TC		
38	3	DN94376	Thực tập nghề nghiệp Quản lý và Phát triển du lịch	Intership	10	0.0	10	BB		
39	2	DN94020	Nghiệp vụ hướng dẫn và hoạt náo du lịch	Tour guiding and animation	3.0	1.5	1.5	BB		

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Chuyên sâu 1				Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết
					Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC		
40	2	DN94023	Văn hóa du lịch và quản lý di sản văn hóa	Tourism Culture and Heritage Management	3.0	3.0	0.0	BB		
41	3	DN94021	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	Design and Operation tourism program	3.0	1.5	1.5	BB		
42	4	DN94024	Xây dựng đồ án và sản phẩm du lịch	Tourism project and product course	4.0	4.0	0.0	BB		
43	3	DN94022	Tổ chức chương trình du lịch	Operation of tourism program	3.0	3.0	0.0	BB		
44	4	DN94493	Khoá luận tốt nghiệp QL&PTDL	Thesis	10	0.0	10	BB		

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

Tổng số tín chỉ bắt buộc: 120

Tổng số TC tự chọn tối thiểu: 15

Tổng số tín chỉ trong CTĐT: 135

*** Học phần kỹ năng mềm**

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/ TC
KN01002	Kỹ năng lãnh đạo	2	TC
KN01003	Kỹ năng quản lý bản thân	2	TC
KN01004	Kỹ năng tìm kiếm việc làm	2	TC
KN01005	Kỹ năng làm việc nhóm	2	TC
KN01006	Kỹ năng hội nhập	2	TC
KN01008	Kỹ năng bán hàng	2	TC
KN01009	Kỹ năng thuyết trình	2	TC
KN01010	Kỹ năng làm việc với các bên liên quan	2	TC

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

*** Giáo dục thể chất và quốc phòng**

Nhóm học phần	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã HP tiên quyết	BB/ TC
Giáo dục thể chất	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1.0		BB
	GT01017	Điền kinh	1.0		PCBB
	GT01018	Thể dục Aerobic	1.0		PCBB
	GT01019	Bóng đá	1.0		PCBB
	GT01020	Bóng chuyền	1.0		PCBB
	GT01021	Bóng rổ	1.0		PCBB
	GT01022	Cầu lông	1.0		PCBB
	GT01023	Cờ vua	1.0		PCBB
	GT01014	Khiêu vũ	1.0		PCBB
	GT01015	Bơi	1.0		PCBB
	GT01024	Golf	1.0		PCBB
	GT01025	Yoga	1.0		PCBB
Giáo dục quốc phòng	QS01011	Đường lối quốc phòng – an ninh của Đảng	3.0		PCBB
	QS01012	Công tác quốc phòng và an ninh	2.0		PCBB
	QS01013	Quân sự chung	2.0		PCBB
	QS01014	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4.0		PCBB
Tổng số					

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

* **Chuẩn trình độ công nghệ thông tin**

Căn cứ theo QĐ số 3566/QĐ-HVN ngày 18 tháng 07 năm 2024 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc phê duyệt đề án Chuẩn trình độ Công nghệ thông tin Học viện Nông nghiệp Việt Nam áp dụng cho sinh viên đại học từ khóa K69:

Sinh viên được xác định là đạt chuẩn đầu ra CNTT nếu đạt cả 2 mức cơ bản và mức chuyên ngành:

❖ **Mức cơ bản:** Đạt khi có 1 trong các điều kiện sau:

- + Điểm môn TH91084 CNTT và Chuyển đổi số (đã có trong CTDT) ≥ 5.5
- + Điểm môn TH91084 từ 4.0 đến 5.4 và có thêm 01 chứng chỉ Tin học: Chứng chỉ Tin học Quốc tế ICDL hoặc Ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03 do Hội đồng thi Học viện sát hạch.
- + Đạt điểm trung bình ≥ 5.5 đối với kỳ thi CĐR mức cơ bản do Học viện tổ chức.

❖ **Mức Chuyên ngành:** Đạt khi có 1 trong các điều kiện sau:

- + Đạt điểm ≥ 5.5 đối với một trong các Học phần:

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/TC
ICT94001	CNTT ứng dụng trong Nông nghiệp	3	TC
ICT94002	CNTT ứng dụng trong Quản lý tài nguyên và môi trường	3	TC
ICT94003	CNTT ứng dụng trong Kinh tế - Xã hội	3	TC

- + Đạt điểm trung bình ≥ 5.5 đối với kỳ thi CĐR mức chuyên ngành do Học viện tổ chức.

* **Chuẩn trình độ ngoại ngữ**

Căn cứ Quyết định số 1349/QĐ-HVN ngày 09 tháng 05 năm 2017 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về phê duyệt “Đề án Ngoại ngữ (Tiếng Anh) Học viện Nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2016-2021” và Quyết định số 6786/QĐ-HVN ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc tiếp tục thực hiện Đề án Ngoại ngữ giai đoạn 2016-2021 tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

8. Kế hoạch học tập (dự kiến)

Năm thứ 1

Họ c kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1				Mã học phần tiên quyết
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	
1	XH91001	Pháp luật đại cương	4,0	4,0	0,0	BB	
1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	4,0	4,0	0,0	BB	
1	DN04015	Tổng quan quản lý và phát triển DL	4,0	3,0	1,0	BB	
1	DN94023	Văn hóa du lịch và quản lý di sản văn hóa	3,0	3,0	0,0	BB	
1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	3,0	3,0	0,0	BB	
1	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	4,0	4,0	0,0	BB	
1	DN91033	Tiếng Anh bổ trợ	1,0	1	0	PCBB	
1	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1,0	1,0	0,0	PCBB	
2	DN94020	Nghệ vụ hướng dẫn và hoạt náo du lịch	3,0	1,5	1,5	BB	
2	DN94003	Quản trị du lịch	3,0	3,0	0,0	BB	
2	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	4,0	4,0	0,0	BB	
2	TM91012	Sinh thái và môi trường	4,0	4,0	0,0	BB	
2	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	3,0	3,0	0,0	BB	
2	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin	3,0	3,0	0,0	BB	
2	DN91039	Tiếng Anh 0	2,0	2,0	0,0	PCBB	
2	KN01002/ KN01003/ KN01004/ KN01005/ KN01006/ KN01008/ KN01009/ KN01010	Kỹ năng mềm: 90 tiết (Chọn 3 trong 8 học phần, mỗi học phần 30 tiết: Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng quản lý bản thân, Kỹ năng tìm kiếm việc làm, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng hội nhập Kỹ năng bán hàng, Kỹ năng thuyết trình, Kỹ năng làm việc với các bên liên quan)	2.0	2.0	0.0	PCBB	
2	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 3 trong 11 HP: Điền Kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu long, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi, Golf, Yoga)	1.0	1.0	0.0	PCBB	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			42				
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			0				
Tổng số tín chỉ giáo dục thể chất, quốc phòng			2				
Tổng số tín chỉ học phần tin học			0				
Tổng số tín chỉ học phần kỹ năng mềm			2				

Năm thứ 2

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1				Mã học phần tiên quyết
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	
3	DN94005	Kinh doanh khách sạn và nhà hàng	3,0	2,0	1,0	BB	
3	KE92064	Marketing căn bản	3,0	3,0	0,0	BB	
3	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,0	2,0	0,0	BB	
3	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	3,0	3,0	0,0	BB	
3	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2,0	2,0	0,0	BB	
3	DN91034	Tiếng Anh 1	2,0	2,0	0,0	BB	
3	QS01011	Đường lối quân sự của Đảng	3.0	3.0	0.0	PCBB	
3	QS01012	Công tác quốc phòng - An ninh	2.0	2.0	0.0	PCBB	
3	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 3 trong 11 HP: Điền Kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu long, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi, Golf, Yoga)	1.0	1.0	0.0	PCBB	
4	DN94021	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3,0	1,5	1,5	BB	
4	DN93015	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3,0	3,0	0,0	BB	
4	DN91035	Tiếng Anh 2	3,0	3,0	0,0	BB	
4	XH91075	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,0	2,0	0,0	BB	
4	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,0	2,0	0,0	BB	
4	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 1 trong 11 HP: Điền Kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu long, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi, Golf, Yoga)	1,0	1,0	0,0	PCBB	
4	QS01013	Quân sự chung	2.0	1.0	1.0	PCBB	
4	QS01014	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và CT	4.0	0.0	4.0	PCBB	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			28				
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn tối thiểu			0				
Tổng số tín chỉ giáo dục thể chất, quốc phòng			11				
Tổng số tín chỉ học phần tin học			0				
Tổng số tín chỉ học phần kỹ năng mềm			0				

Năm thứ 3

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1				Mã học phần tiên quyết
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	
5	KT92104	Nguyên lý thống kê	3,0	3,0	0,0	BB	
5	KE92001	Nguyên lý kế toán	3,0	3,0	0,0	BB	
5	TH92029	Cơ sở toán cho các nhà kinh tế	3,0	3,0	0,0	BB	
5	KT92025	Nguyên lý kinh tế	3,0	3,0	0,0	BB	
5	DN94018	Kinh tế và marketing du lịch	4,0	4,0	0,0	BB	KE02037
5	DN94017	Du lịch nông nghiệp và sinh thái	4,0	4,0	0,0	BB	
5	KE94073	Nguyên lý thương mại điện tử	3,0	3,0	0,0	TC	
5	DN94001	Du lịch bền vững và tiêu chuẩn dịch vụ du lịch	3,0	3,0	0,0	TC	
6	DN94022	Tổ chức chương trình du lịch	3,0	3,0	0,0	BB	
6	DN94378	Thực tập nghề nghiệp Quản lý và phát triển Du lịch	10,0	0,0	10,0	BB	
6	DN94002	Phát triển du lịch cộng đồng	3,0	3,0	0,0	TC	
6	KE94076	Quản trị thương mại điện tử	3,0	3,0	0,0	TC	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			33				
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn tối thiểu			6				
Tổng số tín chỉ giáo dục thể chất, quốc phòng			0				
Tổng số tín chỉ học phần tin học			0				
Tổng số tín chỉ học phần kỹ năng mềm			0				

Năm thứ 4

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1				Mã học phần tiên quyết
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	
7	DN94024	Xây dựng đồ án và sản phẩm du lịch	4,0	4,0	0,0	BB	
7	DN94004	Quản trị tài chính trong du lịch	3,0	3,0	0,0	BB	
7	CP94063	Hệ thống QLCL và văn hóa an toàn thực phẩm	3,0	3,0	0,0	TC	
7	DN94026	Du lịch MICE	3,0	2,0	1,0	TC	
7	DN94019	Nghệ thuật lễ tân khách sạn	3,0	3,0	0,0	TC	
7	KE94037	Quản trị bán hàng	3,0	3,0	0,0	TC	
7	DN94083	Tiếng Trung 1	2,0	1,0	1,0	TC	
7	DN94025	Kỹ năng tổ chức sự kiện	3,0	1,5	1,5	TC	
8	DN94493	Khoá luận tốt nghiệp QL&PT DL	10	0,0	10	BB	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			17				
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn tối thiểu			9				
Tổng số tín chỉ giáo dục thể chất, quốc phòng			0				
Tổng số tín chỉ học phần tin học			0				
Tổng số tín chỉ học phần kỹ năng mềm			0				

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Các học phần đại cương

XH91001. Pháp luật đại cương (Introduction to laws). (4TC: 4 – 0 - 140 tiết).

Nội dung: Học phần được chia thành hai nội dung chính: **Phần 1: Kiến thức pháp luật cơ bản**, bao gồm: Một số vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Nội dung cơ bản của Luật Dân sự và Luật Hình sự; Nội dung cơ bản của Luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình; Nội dung cơ bản của Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. **Phần 2: Ứng dụng pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp**, bao gồm: nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên – môi trường; nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực trồng trọt và kiểm định thực vật; nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực chăn nuôi. **Tên chương:** Chương 1: Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật; Chương 2: Nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Chương 3: Nội dung cơ bản của Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự; Chương 4: Nội dung cơ bản của Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự; Chương 5: Nội dung cơ bản của Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Lao động; Chương 6: Nội dung cơ bản của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Chương 7: Áp dụng pháp luật Tài nguyên – Môi trường; Chương 8: Nội dung cơ bản của Luật Trồng trọt, Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Chương 9: Nội dung cơ bản của Luật Chăn nuôi. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Hướng dẫn bài tập nhóm; Giảng dạy trực tuyến; Giảng dạy qua tình huống. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự nhóm – 10%; Bài tập nhóm – 30%; Thi trắc nghiệm – 60% . **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

TH91084. Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số (Information technology and digital transformation) (4TC: 4-0-12). Học phần này gồm các nội dung: Hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, mạng, dữ liệu, an toàn bảo mật thông tin điện tử, các công nghệ tiên tiến và ứng dụng. Chuyển đổi số và ứng dụng của chuyển đổi số trong quản lý, trồng trọt, chăn nuôi và tài nguyên môi trường. Phần bài tập rèn kỹ năng làm việc tương tác trực tuyến với bộ công cụ phần mềm Office 365.

KE91028. Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh (Entrepreneurship and Business Culture). (4TC: 4 – 0 - 138 tiết). **Nội dung/ Tên chương:** Học phần này gồm 02 phần và 10 chương. Phần 1- Kiến thức chung về khởi nghiệp (KN) và văn hóa kinh doanh (VHKD) (7 chương): Giới thiệu chung về khởi nghiệp và VHKD; Ý tưởng KN; Mô hình kinh doanh trong KN; Gọi vốn KN; Văn hóa kinh doanh; Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội; Văn hóa doanh nghiệp. Phần 2- KN trong nông nghiệp (3 chương): Mô hình KN nông nghiệp trong nông nghiệp; Mô hình KN trong lĩnh vực công nghệ sinh học; Mô hình KN trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Dạy học dựa

vào tình huống (case study); Hướng dẫn thảo luận; Hướng dẫn bài tập. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Bài tập nhóm – 30%; Thi kết thúc học phần -60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không;

DN91027. Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng (Psychology and Public Communication). (3TC: 3 – 0 - 105 tiết). **Nội dung/ Tên chương:** Học phần này gồm: Giới thiệu về tâm lý con người, Hoạt động nhận thức, Xúc cảm, động cơ và rối nhiễu tâm lý, Nhân cách; Khái quát về giao tiếp của con người; Các kỹ năng giao tiếp trước công chúng; Ứng dụng kỹ năng giao tiếp trong tuyển dụng; Những vấn đề cơ bản khi diễn thuyết trước công chúng, Chuẩn bị bài diễn thuyết, Ứng dụng diễn thuyết cho các hoạt động nghề nghiệp. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Dạy học dựa trên vấn đề; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy kết hợp với phương tiện truyền thông đa phương tiện (Zoom, MS Teams...). **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Tiểu luận nhóm – 30%; Thi trắc nghiệm – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không;

KE91063. Thương mại và hội nhập quốc tế (International Trade and Integration). (3TC: 3 – 0 - 102 tiết). **Nội dung và Tên chương:** Hội nhập quốc tế; Thương mại quốc tế trong thời kỳ hội nhập; Hệ thống thương mại quốc tế; Hoạch định và cơ cấu tổ chức kinh doanh quốc tế; Thâm nhập thị trường quốc tế; Tài chính trong thương mại và hội nhập quốc tế; Sản xuất nông sản cho thương mại và hội nhập quốc tế; Sản xuất thực phẩm cho thương mại và hội nhập quốc tế. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Dạy học dựa trên vấn đề; Thảo luận nhóm. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Bài tập nhóm – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

NH91012. Nông nghiệp hiện đại (Modern agriculture). (4TC: 4 – 0 - 140 tiết). **Nội dung/ Tên chương:** Học phần này gồm 6 chương: (1) Giới thiệu về nông nghiệp hiện đại; (2) Công nghệ sinh học trong nông nghiệp hiện đại; (3) Cơ giới hoá và tự động hoá trong nông nghiệp hiện đại; (4) Mô hình sản xuất cây trồng hiện đại; (5) Mô hình chăn nuôi hiện đại; (6) Mô hình thủy sản hiện đại. **Phương pháp giảng dạy:** Phương pháp thuyết giảng; Sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy; Đặt câu hỏi động não; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Tiểu luận – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

TM91012. Sinh thái và môi trường (Ecology and Environment). (4TC: 4 – 0 - 140 tiết). *Nội dung:* Học phần này gồm 3 khối kiến thức (1) Sinh thái học: Khái niệm về sinh thái học; Sinh thái học cá thể, quần thể, quần xã và hệ sinh thái; Các hệ sinh thái chính; (2) Khoa học môi trường: Khái niệm về môi trường và tài nguyên; Môi trường và phát triển bền vững; Tài nguyên và môi trường nước, đất, không khí, rừng và sinh vật; (3) Ứng dụng sinh thái học và khoa học môi trường trong sản xuất nông nghiệp. *Tên chương:* Chương 1: Giới thiệu chung về sinh thái học; Chương 2: Sinh thái học quần thể; Chương 3: Sinh thái học quần xã; Chương 4: Hệ sinh thái; Chương 5: Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững; Chương 6: Tài nguyên môi trường nước và đất; Chương 7: Tài nguyên môi trường không khí, rừng và sinh vật; Chương 8: Ứng dụng sinh thái học và khoa học môi trường trong trồng trọt; Chương 9: Ứng dụng sinh thái học và khoa học môi trường trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng; Diễn giảng có kết hợp với minh họa; Thảo luận với câu hỏi mở; Nêu vấn đề (problem-solving); Hướng dẫn làm tiểu luận nhóm; Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu; Dạy học trên hệ thống VNUA-LMS. *Phương pháp đánh giá:* Chuyên cần – 10%; Tiểu luận nhóm – 30%; Thi trắc nghiệm – 60%. *Học phần tiên quyết:* Không; *Học phần song hành:* Không;

XH91047. Triết học Mác – Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism). (3TC: 3 – 0 - 105 tiết). *Nội dung/ Tên chương:* Học phần gồm 3 chương: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chủ nghĩa duy vật lịch sử. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng; Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề; Giảng dạy Online trên phần mềm LMS. *Phương pháp đánh giá:* Tham dự lớp và tham gia các hoạt động học tập, trao đổi trên lớp – 10%; Kiểm tra giữa kỳ - 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. *Học phần tiên quyết:* Không; *Học phần song hành:* Không.

KT91043. Tổ chức và quản lý kinh tế (Economic organization and management). (3TC: 3 – 0 - 100 tiết). *Nội dung:* Kiến thức và tư duy về kinh tế thị trường; Ra quyết định trong kinh tế; Công tác kế hoạch; Tổ chức nguồn lực cho hoạt động kinh tế; Quản lý và điều hành các hoạt động kinh tế; Marketing và xúc tiến thương mại; Giám sát, đánh giá và cải thiện đầu tư. *Tên chương:* . *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng; Tổ chức học tập theo nhóm; Tổ chức học tập trực tuyến. *Phương pháp đánh giá:* Tham dự lớp - 10%; Thảo luận nhóm – 30%; Thi cuối kỳ - 60%. *Học phần tiên quyết:* Không; *Học phần song hành:* Không.

XH91061. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political Economy of Marxism And Leninism). (2TC: 2 – 0 - 70 tiết). *Nội dung/ Tên chương:* Học phần này gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin;

Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể; Giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình; Đàm thoại gợi mở; Phát vấn. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp và tham gia các hoạt động học tập, trao đổi trên lớp – 10%; Kiểm tra giữa kỳ - 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

XH91062. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism). (2TC: 2 – 0 - 70 tiết). **Nội dung/ Tên chương:** Học phần này gồm 07 chương: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. **Phương pháp giảng dạy** Thuyết trình; Đàm thoại gợi mở; Phát vấn. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp và tham gia các hoạt động học tập, trao đổi trên lớp – 10%; Kiểm tra giữa kỳ - 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

XH91075. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (). (2TC: 2 – 0 - 70 tiết). **Nội dung/ Tên chương:** Học phần này gồm: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975- đến nay). Kết luận về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng kết hợp với nêu vấn đề; Hướng dẫn thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm; Hướng dẫn tự học; Xem phim tư liệu. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Tiểu luận nhóm – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

XH91076. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology). (2TC: 2 – 0 - 70 tiết). **Nội dung:** tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. Học phần bao gồm 6 chương gồm nhiều nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về: cách mạng, nhà nước, Đảng, đại đoàn kết, văn hoá, giáo dục... . **Tên chương:** . **Phương pháp giảng dạy:** Phương pháp thuyết giảng; nêu tình huống; thăm quan thực tế, làm việc nhóm; truyền thông đa phương tiện. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Tiểu

luận – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không %;

9.2. Các học phần cơ sở ngành

DN93015. Phương pháp nghiên cứu khoa học (Tổng số tín chỉ 03: Tổng số tín chỉ lý thuyết 03- Tổng số tín chỉ thực hành 0 – Tổng số tín chỉ tự học 09).

Học phần gồm các nội dung: Tổng quan về nghiên cứu khoa học, Quá trình nghiên cứu, Thiết kế nghiên cứu, Phương pháp thu thập và xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học, Phương pháp phân tích thông tin trong nghiên cứu khoa học, Hướng dẫn viết báo cáo khoa học và khóa luận tốt nghiệp.

KE92064. Marketing căn bản (Principles of marketing). (3TC: 3 – 0 - 9). Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm Tổng quan về marketing; Hệ thống thông tin và Môi trường marketing; Hành vi khách hàng; Thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm trên thị trường; Sản phẩm trong marketing hỗn hợp; Giá trong marketing hỗn hợp; Phân phối trong marketing hỗn hợp; Xúc tiến trong marketing hỗn hợp.

KT92025. Nguyên lý kinh tế (Principles of Economics). (3TC: 3 - 0 - 9). Học phần bao gồm những nguyên lý cơ bản của Kinh tế học, đó là 3 phần chính: (1) Những vấn đề chung về kinh tế học, (2) Những nguyên lý cơ bản về kinh tế vi mô, (3) Những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô và các chính sách của chính phủ.

KQ92001. Nguyên lý kế toán (Tổng số tín chỉ 03: Tổng số tín chỉ lý thuyết: 03 – Tổng số tín chỉ thực hành: 0 – Tổng số tín chỉ tự học: 09).

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm có 06 chương và gồm các nội dung: Những vấn đề chung của kế toán; Nguyên tắc kế toán; Phương pháp chứng từ và kiểm kê; Phương pháp tài khoản và ghi sổ kép; Phương pháp Tính giá; Báo cáo kế toán.

KT92104. Nguyên lý thống kê (Principles of Statistics) (3TC: 3-0-9): Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về lý thuyết thống kê, ứng dụng kiến thức thống kê trong việc thu thập tài liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp; tổng hợp và trình bày dữ liệu; sử dụng thống kê suy luận để rút ra kết luận cho tổng thể; ứng dụng những kiến thức của thống kê trong tính toán và phân tích các chỉ tiêu kinh tế xã hội; sử dụng phân tích tương quan trong kinh tế và xã hội.

9.3. Các học phần chuyên sâu

DN94015. Tổng quan quản lý và phát triển du lịch (Basics of Tourism Planning and Development). (4TC: - Lý thuyết: 03 - Thực hành: 1 - Giờ tự học: 135) Môn học này bao gồm 5 nội dung chính: Khái quát về hoạt động du lịch; Tài nguyên

du lịch và điểm đến du lịch; Các lĩnh vực hoạt động trong kinh doanh du lịch; Nhu cầu và loại hình du lịch; Quản lý và phát triển du lịch bền vững

DN94001. Du lịch bền vững và tiêu chuẩn dịch vụ du lịch (Sustainable Tourism Development) (3TC- 3 -0): Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về: Tổng quan về du lịch bền vững; Một số vấn đề lý luận về phát triển du lịch bền vững; Du lịch bền vững ở các vùng sinh thái nhạy cảm; Quy hoạch phát triển du lịch bền vững; Tiêu chuẩn dịch vụ du lịch.

DN94026: Du lịch MICE (MICE Tourism). Tổng số TC: 03 (02 lý thuyết – 1 thực hành – 09 tự học)

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm các nội dung về: Tổng quan về MICE trong du lịch; Lập ngân sách và lập kế hoạch cho một hội nghị, hội thảo; Kế hoạch marketing và bán dịch vụ MICE; Thực hiện cung ứng dịch vụ MICE; Áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị MICE.

DN94017. Du lịch nông nghiệp nghiệp và sinh thái (Agritourism and Eco-tourism) (Tổng số tín chỉ 4: Tổng số tín chỉ lý thuyết 4 – Tổng số tín chỉ thực hành 0– Tổng số tín chỉ tự học 12).

Học phần gồm các nội dung: Tổng quan về du lịch nông nghiệp và sinh thái, Nguồn lực phát triển du lịch nông nghiệp và sinh thái, Lập kế hoạch kinh doanh và khởi nghiệp du lịch nông nghiệp và sinh thái, Phát triển sản phẩm du lịch du lịch nông nghiệp và sinh thái, Tổ chức và quản lý du lịch nông nghiệp và sinh thái, Marketing du lịch nông nghiệp và sinh thái, Quản lý chất lượng dịch vụ du lịch nông nghiệp và sinh thái, Quản trị rủi ro trong du lịch nông nghiệp và sinh thái.

DN94003. Quản trị du lịch (Tourism Management). (3-0-9). Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về: Tổng quan về du lịch và hệ thống du lịch; Điểm đến và Quản lý điểm đến; Sản phẩm du lịch; Thị trường khách du lịch và hoạt động marketing du lịch; Tác động kinh tế của du lịch; Tác động văn hóa-xã hội và môi trường của du lịch; Quản trị du lịch bền vững.

DN94020 - Nghiệp vụ hướng dẫn và hoạt náo du lịch (Tổng số tín chỉ 3: Tổng số tín chỉ lý thuyết 3 – Tổng số tín chỉ thực hành 0 – Tổng số tín chỉ tự học 6)

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần gồm các nội dung về: Sự ra đời và phát triển của nghề hướng dẫn du lịch trên thế giới và ở Việt Nam; Yêu cầu, vai trò, nhiệm vụ của hướng dẫn viên du lịch; Nghiệp vụ tổ chức, chuẩn bị hoạt động du lịch; hướng dẫn du lịch và các hoạt động hoạt náo trong hướng dẫn du lịch

DN94083 – Tiếng Trung 1 – Chinese 1 (Tổng số tín chỉ: 02; Lý thuyết: 01; Thực hành: 01; Giờ tự học: 55). Học phần trang bị kiến thức ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chữ

Hán cơ bản; rèn luyện nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp trong các tình huống quen thuộc, tạo nền tảng sử dụng tiếng Trung Quốc trong học tập và môi trường du lịch.

CP94063. Hệ thống QLCL và Văn hóa ATTP (Food Quality Management Systems and Food Safety Culture). (3TC:3– 0 – 6).

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần giúp sinh viên nắm vững được các khái niệm về thực phẩm, các yếu tố cấu thành và ảnh hưởng đến chất lượng thực phẩm và các hoạt động quản lý, kiểm tra chất lượng thực phẩm. Giới thiệu một số các chương trình tiên quyết phổ biến trong quản lý chuỗi thực phẩm như GAP, GMP, SSOP. Hệ thống quản lý chất lượng quốc tế HACCP, ISO 9000, ISO 22000 và một số chương trình quản lý chất lượng khác. Văn hóa an toàn thực phẩm. Ảnh hưởng của văn hóa an toàn thực phẩm đến hành vi và kết quả thực hiện an toàn thực phẩm của cơ sở chế biến. Phát triển và duy trì văn hóa an toàn thực phẩm.

DN94018. Kinh tế và marketing du lịch (Tourism industry and marketing). (4TC: 4-0-12). Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về Kinh tế du lịch (Tổng quan về kinh tế du lịch; Nhu cầu du lịch, Loại hình và các lĩnh vực kinh doanh trong du lịch; Tính thời vụ trong du lịch; Cơ sở vật chất-kỹ thuật và chất lượng dịch vụ du lịch Hiệu quả kinh tế du lịch); Marketing du lịch (Tổng quan về marketing du lịch và môi trường marketing của tổ chức du lịch; Hành vi khách hàng trong du lịch; Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường của doanh nghiệp du lịch; Chiến lược marketing của doanh nghiệp du lịch).

DN94005. Kinh doanh khách sạn và nhà hàng (Hotel and Restaurant Operations Management). (3TC: 2-1-9). Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về: Tổng quan về kinh doanh khách sạn & nhà hàng; Cơ cấu tổ chức khách sạn và nhà hàng; Giám đốc khách sạn và giám đốc nhà hàng; Quản lý buồng phòng và nghiệp vụ buồng phòng khách sạn; Quản lý kỹ thuật và an ninh khách sạn nhà hàng; Quản trị dịch vụ nhà hàng; Marketing khách sạn và nhà hàng; Quản lý thông tin và tài chính khách sạn và nhà hàng.

DN94493: Khóa luận tốt nghiệp QL&PTDL (Thesis). Tổng số TC: 10 (0 lý thuyết – 10 thực hành – 30 tự học)

Mô tả vắn tắt nội dung: Xác định vấn đề nghiên cứu và xây dựng đề cương sơ bộ; Tổng quan tài liệu và phương pháp nghiên cứu; Nhận định, phân tích các nội dung của chủ đề nghiên cứu trong thực tiễn; Đề xuất giải pháp phù hợp cho đơn vị thực tập thuộc lĩnh vực nghiên cứu; Viết báo cáo khóa luận tốt nghiệp; Hoàn thiện và trình bày khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng.

DN94025: Kỹ năng tổ chức sự kiện (Event Management) Tổng số TC: 03 (1.5 lý thuyết – 1.5 thực hành – 09 tự học)

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm các nội dung về: Bản chất của tổ chức hoạt động sự kiện; Dự toán ngân sách và lập kế hoạch tổ chức sự kiện; Tổ chức, tính toán thời gian và danh sách khách mời; Địa điểm, không gian tổ chức sự kiện; Tổ chức đưa đón khách tới sự kiện; Tổ chức ăn uống trong sự kiện.

DN94020. Nghiệp vụ hướng dẫn và hoạt náo du lịch (Tổng số tín chỉ 3: Tổng số tín chỉ lý thuyết 2 – Tổng số tín chỉ thực hành 1 – Tổng số tín chỉ tự học 6) Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần gồm các nội dung về: Sự ra đời và phát triển của nghề hướng dẫn du lịch trên thế giới và ở Việt Nam; Yêu cầu, vai trò, nhiệm vụ của hướng dẫn viên du lịch; Nghiệp vụ tổ chức, chuẩn bị hoạt động du lịch; hướng dẫn du lịch và các hoạt động hoạt náo trong hướng dẫn du lịch

DN94002. Phát triển du lịch Cộng đồng (Community Based Tourism). Tổng số TC: 03 (03 lý thuyết – 0 thực hành – 09 tự học)

Mô tả vắn tắt nội dung: Tổng quan về du lịch cộng đồng; Nguồn lực phát triển du lịch cộng đồng; Lập kế hoạch kinh doanh du lịch cộng đồng; Phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng; Tổ chức quản lý hoạt động du lịch cộng đồng; Tiếp thị du lịch cộng đồng; Quản lý chất lượng dịch vụ du lịch cộng đồng; Đối phó với khủng hoảng trong du lịch cộng đồng.

KE94037- Quản trị bán hàng (Sales management) (3TC: 3 –0– 9). Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm Tổng quan về bán hàng và quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Kỹ thuật bán hàng và chăm sóc khách hàng; Thiết kế và tổ chức lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp; Quản trị đội ngũ bán hàng; Đánh giá hoạt động bán hàng và lực lượng bán hàng.

DN94003. Quản trị du lịch (Tourism Management). (3-0-9). Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về: Tổng quan về du lịch và hệ thống du lịch; Điểm đến và Quản lý điểm đến; Sản phẩm du lịch; Thị trường khách du lịch và hoạt động marketing du lịch; Tác động kinh tế của du lịch; Tác động văn hóa-xã hội và môi trường của du lịch; Quản trị du lịch bền vững.

KE94076. Quản trị thương mại điện tử (E-Commerce Management). (3-0-9). Giới thiệu về thương mại điện tử và quản trị thương mại điện tử; Xây dựng chiến lược và ứng dụng; Tổ chức thực hiện thương mại điện tử.

DN94004. Quản trị tài chính trong du lịch (Financial Management in Tourism). (3TC: 3-0-9). Nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về: Tổng quan về quản trị tài chính trong du lịch; Nguyên lý giá trị thời gian của tiền và dòng tiền; Phân tích tài chính trong du lịch; Kế hoạch tài chính trong du lịch; Huy động vốn trong du lịch

DN94022. Tổ chức chương trình du lịch (Operation of tourism program). (3TC: 3-0-9). Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về: Tổ chức chương trình du lịch; Thiết kế chương trình du lịch; Tổ chức thực hiện chương trình du lịch; Quản lý chất lượng chương trình du lịch; Đánh giá chương trình du lịch.

DN94021. Thiết kế và điều hành chương trình du lịch (Design and Operation tourism program) (3 tín chỉ: 1.5-1.5-9)

Học phần gồm 5 chương với các nội dung về: Tổng quan về kinh doanh lữ hành; Thiết kế và định giá chương trình du lịch; Tổ chức xúc tiến và bán chương trình du lịch; Tổ chức, thực hiện, và điều hành chương trình du lịch; và Quản lý chất lượng chương trình du lịch.

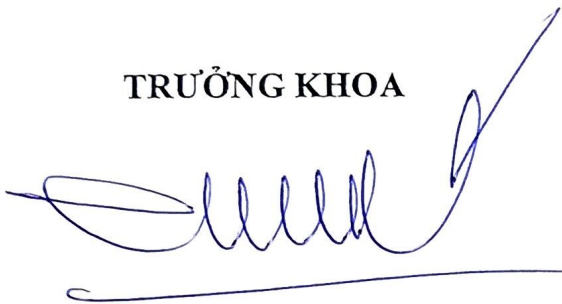
DN94024: Xây dựng đồ án và sản phẩm du lịch. (Tourism project and product course) Tổng số TC: 04 (04 lý thuyết – 0 thực hành – 12 tự học)

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần bao gồm những nội dung: Đồ án du lịch; Du lịch Việt Nam và cơ hội phát triển đồ án du lịch; Lập kế hoạch cho đồ án; Quản lý tài chính của đồ án; Quản lý marketing; Quản lý nhân sự của đồ án.

DN94023: Văn hóa du lịch và quản lý di sản văn hóa (Tourism Culture and Heritage Management). Tổng số TC: 03 (03 lý thuyết – 0 thực hành – 09 tự học)

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần bao gồm những nội dung: Những vấn đề chung về văn hóa du lịch và di sản văn hóa; Hệ thống các di sản văn hóa Việt Nam; Nghiệp vụ quản lý di sản văn hóa; Tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam; Khai thác các giá trị văn hóa trong kinh doanh du lịch; Các sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng của Việt Nam.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Tất Thắng

Hà Nội, ngày 07. tháng 5. năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



GS.TS Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Bảng 1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Giảng đường Khoa Nông học	3	231.7	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	3	Các học phần cơ sở lý thuyết của ngành Quản lý và Phát triển du lịch Các môn học đại cương, chuyên ngành của ngành Quản lý và PT Du lịch
2	Giảng đường cơ điện cũ	5	336	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	5	
3	Giảng đường cơ điện mới	5	556	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	5	
4	Giảng đường A	13	1037	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	13	
5	Giảng đường C	12	1050	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	12	
6	Giảng đường B	33	6585	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	33	
7	Giảng đường Nguyễn đăng	38	10445	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	38	
8	Giảng đường E	19	3230	Máy chiếu, hệ thống âm thanh, điều hòa	19	
9	Giảng đường Trung tâm	60		Máy chiếu, hệ thống âm thanh, điều hòa		

PHỤ LỤC 2. SÁCH, GIÁO TRÌNH

T T	Mã-Học phần	Giáo trình/ Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	KE02037 - MARKETING CĂN BẢN (BASICS OF MARKETING)	Giáo trình Marketing căn bản.	Nguyễn Văn Phương và cộng sự	Nhà xuất bản Học viện. Nông nghiệp.	2011
2	DN91027 - TÂM LÝ HỌC VÀ GIAO TIẾP CỘNG ĐỒNG (PSYCHOLOGY AND PUBLIC SPEAKING)	Bài giảng Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng		Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2024
3	KT92025 - NGUYÊN LÝ KINH TẾ (PRINCIPLES OF ECONOMICS)	Giáo trình Nguyên lý Kinh tế.	Nguyễn Văn Song, Nguyễn Minh Đức, Ngô Minh Hải, Thái Thị Nhung, Nguyễn Thị Huyền Châm, Đoàn Bích Hạnh, Đồng Thanh Mai, Bùi Thị Khánh Hòa	NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	2022
4	DN91034 - ENGLISH 1	Speakout 3rd Edition A2 Student's book.	Eales, F., & Oakes, S.	Pearson Education	2022
5	DN94020 - NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN VÀ HOẠT NÁO DU LỊCH (TOUR GUIDING AND ANIMATION)	Bài giảng môn học ng nghiệp vụ hướng dẫn và hoạt náo du lịch	Nguyễn Hùng Anh	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2024
6	DN91035 - ENGLISH 2	Speakout (3rd Edition) B1 Student's Book.	Antonia C. & JJ W.	Pearson Education Limited.	2022

T T	Mã-Học phần	Giáo trình/ Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
7	DN94018 - KINH TẾ VÀ MARKETING DU LỊCH (TOURISM INDUSTRY AND MARKETING)	Kinh tế Du lịch	Nguyễn Thị Nguyên Hồng và Vũ Đức Minh	Nhà Xuất bản Thống kê.	2020
8	DN94005 - KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ NHÀ HÀNG (HOTEL AND RESTAURANT BUSINESS)	Quản trị kinh doanh khách sạn,	PGS. TS. Trịnh Xuân Dũng	Nhà xuất bản Đại học quốc gia	2022
9	DN94023 - VĂN HÓA DU LỊCH VÀ QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HÓA (TOURISM CULTURE AND HERITATE MANAGEMENT)	Giáo trình Di sản và quản lý di sản ở Việt Nam.	Phan Anh Tú	Nhà xuất bản đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	2019
10	DN93015 - PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (RESEARCH METHODLOGY)	Bài giảng môn học Phương pháp nghiên cứu khoa học	Bộ môn Quản lý Du lịch và Lễ hành	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2024
		Educational research: planning, conducting, and evaluating quantitative and qualitative research.	Creswell, J.W & Guetterman, T.C.	Saddle River, New Jersey: Pearson.	2019
11	DN94003 - QUẢN TRỊ DU LỊCH (TOURISM MANAGEMENT)	Giáo trình Quản trị học. (Tái bản 2022).	Nguyễn Thị Liên Diệp, Trần Anh Minh.	Nhà xuất bản Tài chính.	2022

T T	Mã-Học phần	Giáo trình/ Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		Tourism Management	Stephen J. Page.	Routledge	2019
12	DN94016 - ĐỊA LÝ DU LỊCH (TOURISM GEOGRAPHY)	Bài giảng Địa lý du lịch.	Bộ môn Quản lý Du lịch và Lữ hành	Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	2024
		Địa lí du lịch cơ sở lí luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam	Nguyễn, M. T., Vũ, Đ. H.,	Nxb Giáo dục Việt Nam.	2020
13	DN94376 - THỰC TẬP GIÁO TRÌNH I (INTERNSHIP I)	Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học,		NXB Giáo dục Việt Nam.	2021
14	DN94001 - DU LỊCH BỀN VỮNG VÀ TIÊU CHUẨN DỊCH VỤ DU LỊCH (SUSTAINABLE TOURISM DEVELOPMENT)	Bài giảng môn Du lịch bền vững và tiêu chuẩn dịch vụ du lịch	Bộ môn Quản trị khách sạn và nhà hàng	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2024
15	DN94022 - TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH (OPERATION OF TOURISM PROGRAM)	Bài giảng môn Tổ chức chương trình du lịch	Bộ môn Quản lý Du lịch và Lữ hành	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2024
16	DN94021 - THIẾT KẾ VÀ ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH (DESIGN AND OPERATION TOURISM PROGRAM)	Bài giảng Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	Nguyễn Hùng Anh	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2023

T T	Mã-Học phần	Giáo trình/ Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
17	DN94017 - DU LỊCH NÔNG NGHIỆP VÀ SINH THÁI (AGRITOURISM AND ECOTOURISM)	Bài giảng Du lịch nông nghiệp và sinh thái	Bộ môn Quản lý Du lịch và Lữ hành	Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	2024
18	DN94386 - THỰC TẬP GIÁO TRÌNH II (INTERNSHIP II)	Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ, C. Đ.	NXB Giáo dục Việt Nam.	2021
19	KE94076 - QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (E- COMMERCE MANAGEMENT)	Bài giảng Quản trị Thương mại điện tử. Bộ môn Marketing.	Trần Thị Thu Hương	Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	2024
20	KE94076 – NGUYÊN LÝ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (PRINCIPLES OF E-COMMERCE)	Bài giảng Quản trị Thương mại điện tử.	Nguyễn Thái Tùng	Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	2024
21	DN94024 - XÂY DỰNG ĐỒ ÁN VÀ SẢN PHẨM DU LỊCH (TOURISM PROJECT AND PRODUCT COURSE)	Bài giảng Đồ án du lịch	Bùi Thị Nga	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2023
22	DN94004 - QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TRONG DU LỊCH (FINANCIAL MANAGEMENT IN TOURISM)	Giáo Trình Quản Trị Tài Chính Doanh Nghệp	GS. TS. Phạm Quang Trung, PGS.TS Lê Bích Ngọc.	NXB Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội	2022
		Tourism Management.	Stephen J. Page.	Routledge	2019

T T	Mã-Học phần	Giáo trình/ Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
23	CP94063 - HỆ THỐNG QLCL THỰC PHẨM VÀ VĂN HÓA AN TOÀN THỰC PHẨM(FOOD QUALITY MANAGEMENT SYSTEMS AND FOOD SAFETY CULTURE)	Giáo trình Hệ thống quản lý chất lượng và Văn hóa an toàn thực phẩm.	Nguyễn Thị Thanh Thủy, Nguyễn Thị Minh Tú, Nguyễn Thị Thảo, Phan Thị Phương Thảo	NXB Nông nghiệp	2024
24	DN94002 - PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG (COMMUNITY-BASED-TOURISM)	Bài giảng môn Phát triển du lịch cộng đồng	Nguyễn Xuân Hải	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2024
25	DN94026 - DU LỊCH MICE (MICE MANAGEMENT)	Bài giảng môn Du lịch MICE	Nguyễn Thị Trang Nhung	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2024
26	KE94037 - QUẢN TRỊ BÁN HÀNG (SALES MANAGEMENT)	Giáo trình Quản trị bán hàng	PGS.TS. Vũ Minh Đức, PGS.TS. Vũ Huy Thông.	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2018
27	DN94025 - KỸ NĂNG TỔ CHỨC SỰ KIỆN (EVENT MANAGEMENT)	Bài giảng môn Kỹ năng tổ chức sự kiện	Nguyễn Thị Trang Nhung	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2024
28	DN94493 - KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP QL&PTDL (THESIS)	Sổ tay sinh viên. (Các năm). Quy định về khóa luận và đồ án tốt nghiệp.	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	NXB Đại học Nông nghiệp.	2023

PHỤ LỤC 3. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

T T	Mã Học phần/Tên HP	Đơn vị phụ trách (Bộ môn, Khoa)	Giảng viên phụ trách			
			Họ tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
1	XH91001/ Pháp luật đại cương	Pháp luật, Khoa KHXX	Vũ Văn Tuấn	1972	Thạc sĩ	Việt Nam
2	XH91061/Kinh tế chính trị Mác- Lênin	Khoa Khoa học xã hội	Lê Thị Kim Thanh	1974	Thạc sĩ	Việt Nam
3	XH91062/Chủ nghĩa KHXX	Khoa Khoa học xã hội	Nguyễn Thị Sơn	1983	Thạc sĩ	Việt Nam
4	XH91075/Lịch sử Đảng CSVN	Khoa Khoa học xã hội	Hà Thị Hồng Yến	1984	Thạc sĩ	Việt Nam
5	XH91076/Tư tưởng Hồ Chí Minh	Khoa Khoa học xã hội	Lê Thị Dung	1990	Thạc sĩ	
6	XH91047/Triết học Mác-Lê Nin	Khoa Khoa học xã hội	Lê Văn Hùng	1978	Tiến sĩ	Việt Nam
7	DN91034/Tiếng Anh 1	Bộ môn Tiếng Anh cơ bản, Khoa Du lịch và Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Hường	1990	Thạc sĩ	Việt Nam
8	DN91035/Tiếng Anh 2	Bộ môn Tiếng Anh cơ bản, Khoa Du lịch và Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Ngọc Thu	1985	Thạc sĩ	Việt Nam
9	TH91084/Công nghệ TT và chuyển đổi số	Khoa Công nghệ thông tin	Phạm Quang Dũng		Tiến sĩ	
10	DN91027/Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Bộ môn Sư phạm Công nghệ, Khoa Du lịch và Ngoại ngữ	Trần Thị Hà Nghĩa	1975	Thạc sĩ	Việt Nam
11	KE91028/Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Khoa Kế toán & QTKD	Phạm Thị Hương Dịu		Tiến sĩ	CHLB Đức
12	KT91043/Tổ chức và quản lý kinh tế	Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	Lưu Văn Duy	1986	Tiến sĩ	Nhật

T T	Mã Học phần/Tên HP	Đơn vị phụ trách (Bộ môn, Khoa)	Giảng viên phụ trách			
			Họ tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
13	KE91063/Thươn g mại và hội nhập quốc tế	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	Trần Thị Thu Hương	1979	Tiến sĩ	CHLB Đức
14	TM91012/Sinh thái và môi trường	Sinh thái nông nghiệp, Khoa Tài nguyên và Môi trường	Ngô Thế Ân		Tiến sĩ	
15	NH91046/Nô ng nghiệp hiện đại	Khoa Nông học	Trần Thị Thiêm	1980	Tiến sỹ	Nhật Bản
16	KT92025/Ngu yên lý kinh tế	Kinh tế, Khoa Kinh tế &PTNT	Nguyễn Minh Đức	1978	Tiến sĩ	
17	KE92001/Ngu yên lý kinh tế	Kế toán tài chính, Khoa Kế toán & QTKD	Lê Thị Minh Châu		Tiến sĩ	Bỉ
18	KE92064/Mar keting căn bản	Marketing; Khoa Kế toán &QTKD	Bùi Hồng Quý	1984	Tiến sĩ	Việt Nam
19	KT92104/Ngu yên lý thống kê	Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh	Phạm Văn Hùng	1963	PGS.TS	Úc
20	TH92029/Cơ sở toán cho các nhà kinh tế	Toán, Khoa CNTT	Vũ Thị Thu Giang	1985	Tiến sỹ	Nhật Bản
21	DN94015/Tổn g quan Quản lý và phát triển du lịch	Quản lý Du lịch và Lữ hành, Khoa DL&NN	Hồ Ngọc Ninh	1982	Tiến sĩ	Philippine s
22	DN94018/Kin h tế và Marketing du lịch	Quản lý Du lịch và Lữ hành, Khoa DL&NN	Nguyễn Hùng Anh	1980	Tiến sĩ	Đức
23	DN94017/Du lịch nông nghiệp và sinh thái	Quản lý Du lịch và Lữ hành, Khoa DL&NN	Hồ Ngọc Ninh	1982	Tiến sĩ	Philippine s

T T	Mã Học phần/Tên HP	Đơn vị phụ trách (Bộ môn, Khoa)	Giảng viên phụ trách			
			Họ tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
24	DN94016	Quản lý Du lịch và Lữ hành, Khoa DL&NN	Hồ Ngọc Ninh	1982	Tiến sĩ	Philippine s
25	DN94003/Quả n trị du lịch	Quản trị khách sạn và nhà hàng, Khoa DL&NN	Đặng Xuân Phi	1988	Thạc sĩ	Philippine s
26	DN94005/Kin h doanh khách sạn và nhà hàng	Quản trị khách sạn và nhà hàng, Khoa DL&NN	Đặng Xuân Phi	1988	Thạc sĩ	Philippine s
27	DN94004/Quả n trị tài chính trong du lịch	Quản trị khách sạn và nhà hàng, Khoa DL&NN	Đặng Xuân Phi	1988	Thạc sĩ	Philippine s
28	DN94025/Kỹ năng tổ chức sự kiện	Quản lý Du lịch và Lữ hành, Khoa DL&NN	Nguyễn Hùng Anh	1980	Tiến sĩ	Đức
29	DN94026/Du lịch MICE	Quản lý Du lịch và Lữ hành, Khoa DL&NN	Nguyễn Hùng Anh	1980	Tiến sĩ	Đức
30	DN94019/Ng hiệp vụ lễ tân khách sạn	Quản lý Du lịch và Lữ hành, Khoa DL&NN	Nguyễn Xuân Hải	1982	Tiến sĩ	Việt Nam
31	DN94002	Quản lý Du lịch và Lữ hành, Khoa DL&NN	Nguyễn Xuân Hải	1982	Tiến sĩ	Việt Nam
34	CP94063/ Hệ thống QLCL và Văn hóa ATTP	Khoa Công nghệ thực phẩm	Nguyễn Thị Thanh Thủy	1970	PGS. Tiến sĩ	
35	KE94076/ Quản trị thương mại điện tử	Marketing; Khoa Kế toán & QTKD	Trần Thị Thu Hương	1979	Tiến sĩ	CHLB Đức
36	KE94037/ Quản trị bán hàng	Quản trị kinh doanh, Khoa Kế toán & QTKD	Đào Hồng Vân	1984	Thạc sĩ	Việt Nam
37	DN94083/Tiế ng Trung 1	Tiếng Anh chuyên nghiệp; Khoa DL&NN	Trần Thị Phụng		Thạc sĩ	Trung Quốc

T T	Mã Học phần/Tên HP	Đơn vị phụ trách (Bộ môn, Khoa)	Giảng viên phụ trách			
			Họ tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
40	DN94020/Ng hiệp vụ hướng dẫn và hoạt náo du lịch	Quản lý Du lịch và Lữ hành, Khoa DL&NN	Nguyễn Xuân Hải	1980	Tiến sĩ	Việt Nam
41	DN94023/ Văn hóa du lịch và quản lý di sản văn hóa	Quản lý Du lịch và Lữ hành, Khoa DL&NN	Nguyễn Thị Trang Nhung	1985	Tiến sĩ	Bỉ
42	DN94021/ Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	Quản lý Du lịch và Lữ hành, Khoa DL&NN	Nguyễn Xuân Hải	1980	Tiến sĩ	Việt Nam
43	DN94024/Xây dựng đồ án và sản phẩm du lịch	Quản lý Du lịch và Lữ hành, Khoa DL&NN	Bùi Thị Nga	1976	PGS.Tiến sĩ	Bỉ
44	DN94022/Tổ chức chương trình du lịch	Quản lý Du lịch và Lữ hành, Khoa DL&NN	Bùi Thị Nga	1976	PGS.Tiến sĩ	Bỉ
45	DN94493/Kh oá luận tốt nghiệp QL&PTDL	Quản lý Du lịch và Lữ hành, Khoa DL&NN	Bùi Thị Nga	1976	PGS.Tiến sĩ	Bỉ

PHỤ LỤC 4
MA TRẬN GIỮA MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

[illegible]

[illegible]

PHỤ LỤC 5
ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

PHÂN LOẠI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH, ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH, ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN, ĐẠI HỌC RMIT
I. KIẾN THỨC				
	PLO1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực quản lý và phát triển du lịch.	CDR 1: Kiến thức nền tảng về ngành du lịch, hệ thống kinh tế và kinh doanh du lịch, một số nguyên lý căn bản về khoa học xã hội và nhân văn, phát triển bền vững áp dụng trong lĩnh vực du lịch	CDR 1: Vận dụng kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật trong các hoạt động nghiệp vụ, nghiên cứu và thực tiễn;	
	PLO2. Áp dụng kiến thức cơ sở ngành thuộc phạm trù toán học, thống kê, kinh tế, kế toán, marketing trong hoạt động quản lý và phát triển du lịch tại doanh nghiệp/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương.	CDR 2: Kiến thức về các hoạt động tác nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành	CDR 2: Sử dụng kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	
	PLO3. Áp dụng được kiến thức chuyên sâu về quản trị trong kinh doanh dịch vụ du lịch-lữ hành và khách sạn nhà hàng tại doanh nghiệp/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương.	CDR 3: Kiến thức về quản trị du lịch và lữ hành: vận dụng các chức năng tổ chức hoạt động quản trị trong các doanh nghiệp và tổ chức trong ngành dịch vụ du lịch và lữ hành	CDR 3: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn vào trong học tập và nghiên cứu, cũng như ứng dụng các kiến thức khoa học tự nhiên để phân tích, đánh giá các tư liệu khoa học xã hội, thích ứng với thời đại công nghệ 4.0;	

PHÂN LOẠI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH, ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH, ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN, ĐẠI HỌC RMIT
	PLO4: Xây dựng chiến lược, kế hoạch, dự án du lịch cho doanh nghiệp/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương.	CDR 4: Kiến thức về tổ chức, quản lý và hoạt động ngành du lịch như các kiến thức về quản lý điểm đến du lịch, quản lý và phát triển các loại hình du lịch	CDR 4: Vận dụng được các kiến thức của khối ngành, các lý thuyết, các vấn đề cơ bản của quản trị kinh doanh, khoa học du lịch vào hoạt động nghiên cứu, kinh doanh, quản lý du lịch, lữ hành và sự kiện, cũng như ứng dụng được các kiến thức cơ bản về khởi nghiệp trong ngành du lịch, đặc biệt là lĩnh vực lữ hành và sự kiện	
		CDR 5: Kiến thức chuyên sâu về tự nhiên, văn hóa, lịch sử, địa lý, xã hội học... ứng dụng trong lĩnh vực du lịch và lữ hành	CDR 5: Vận dụng được các kiến thức của nhóm ngành, các kiến thức liên ngành trong hoạt động nghiên cứu, kinh doanh, quản lý du lịch, lữ hành và sự kiện;	
		CDR 6: Kiến thức nâng cao năng lực tư duy, lô-gic và lý luận	CDR 6: Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành du lịch, kiến thức thực tiễn nghề nghiệp vào hoạt động nghiên cứu, kinh doanh, quản lý du lịch, lữ hành và sự kiện;	
		CDR 7: Kiến thức về kinh tế học, quản trị kinh doanh, công nghệ, pháp luật ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	CDR 7: Vận dụng được các kiến thức theo hướng chuyên ngành (quản trị lữ hành/quản trị sự kiện) vào hoạt động nghiên cứu, kinh doanh, quản lý lữ hành hoặc sự kiện, cung cấp các dịch vụ có chất lượng, thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, đảm bảo phát triển bền vững.	
II. KỸ NĂNG				

PHÂN LOẠI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH, ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH, ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN, ĐẠI HỌC RMIT
	PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực quản lý và phát triển du lịch.	CDR 8: Kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh, phát triển, thực hiện, tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, mở rộng ra các dịch vụ có liên quan	CDR 8: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau;	CDR 1: Phân tích tác động của toàn cầu hóa đối với lịch sử phát triển ngành du lịch và khách sạn.
	PLO6: Phối hợp làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong công việc.	CDR 9: Kỹ năng phân tích các chỉ tiêu kinh tế, tài chính, hiệu quả kinh doanh, chỉ tiêu bền vững của các doanh nghiệp du lịch, điểm đến du lịch	CDR 9. Thành thạo các nghiệp vụ cơ bản của chuyên ngành như lữ hành, hướng dẫn, sự kiện; Biết cách sắp xếp, giám sát và điều hành công việc đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc tốt nhất;	CDR 2: Áp dụng kỹ năng phân tích và định lượng để hình thành các quyết định kinh doanh liên quan đến quản lý du lịch và khách sạn
	PLO7: Sử dụng các kỹ năng về tổ chức, quản lý trong hoạt động du lịch thực tiễn.	CDR 10: Kỹ năng phát triển các ý tưởng kinh doanh và lập nghiệp trong ngành du lịch và lữ hành	CDR 10. Có kỹ năng làm việc độc lập trong các cơ quan thuộc khối nhà nước, các đơn vị kinh doanh du lịch, dịch vụ, các viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo;	CDR 3: Đánh giá và áp dụng lý thuyết và cách thức thi vai trò lãnh đạo trong nhiều tình huống đa dạng của ngành du lịch và khách sạn.
	PLO8: Sử dụng các kỹ năng nghề du lịch trong tổ chức hoạt động du lịch thực tiễn tại doanh nghiệp/cơ quan/đơn vị/tổ chức và địa phương.	CDR 11: Kỹ năng thực hiện các hoạt động của hướng dẫn viên du lịch, điều hành chương trình du lịch, bán và marketing trong các công ty du lịch và lữ hành	CDR 11. Có tư duy logic, xác định vấn đề ưu tiên, nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau để đánh giá hiện tượng một cách toàn diện nhất và tìm được giải pháp tối ưu và phù hợp; Có kỹ năng xây dựng giải pháp và khuyến nghị để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý, kinh doanh du lịch.	CDR 4: Áp dụng cách suy xét hợp lý để đánh giá việc thực hiện đạo đức kinh doanh trong ngành du lịch và khách sạn.
	PLO9: Thực hiện các nghiên cứu thuộc lĩnh vực du lịch trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành.	CDR 12: Các kỹ năng lãnh đạo và quản trị cơ bản của một nhà quản trị áp dụng trong lĩnh vực kinh doanh du lịch và lữ hành	CDR 12: Sử dụng được Tiếng Anh ở trình độ B1 tương đương trình độ bậc 3 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) theo quy định của Bộ Giáo dục	CDR 5: Soi xét lại các đánh giá về hiệu quả quản lý hệ thống, từ đó xác định chiến lược hành động để quản lý

PHÂN LOẠI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH, ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH, ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN, ĐẠI HỌC RMIT
			và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội; Sử dụng được tiếng Anh du lịch và tiếng Anh chuyên ngành trong hoạt động học tập, nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp;	con người trong ngành du lịch và khách sạn.
		CDR 13: Có khả năng giao tiếp hiệu quả trong hoạt động kinh doanh du lịch và lữ hành bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh; Có khả năng biểu đạt, trình bày, thuyết trình	CDR 13: Có kỹ năng lập kế hoạch công việc khoa học và hợp lý, sử dụng máy móc trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin;	CDR 6: Truyền thông điệp rõ ràng và thuyết phục để đàm phán, tư vấn và thu hút được khách hàng, nhân viên và những đối tác khác trong ngành du lịch và khách sạn.
		CDR 14: Kỹ năng làm việc nhóm và lãnh đạo: Có khả năng tập hợp, lãnh đạo, điều hành và phối hợp các cá nhân trong nhóm	CDR 14: Thành thạo kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp cá nhân, kỹ năng làm việc nhóm; Có khả năng xây dựng, điều hành, phát triển, quản lý nhóm làm việc hiệu quả; Có kỹ năng đàm phán, thuyết phục đối với cá nhân và tập thể.	CDR 7: Dùng khả năng suy xét để đánh giá và áp dụng chiến lược quản lý rủi ro, bao gồm chiến lược đối phó khủng bố trong ngành du lịch và khách sạn quốc tế
		CDR 15: Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ICLD) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.		
		CDR 16: Ngoại ngữ Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.		

PHÂN LOẠI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH, ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH, ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN, ĐẠI HỌC RMIT
III. NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM				
	PLO10: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	CDR 17: Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc; Có tinh thần tự học, tự tích lũy và cập nhật kiến thức kỹ năng; Có tinh thần làm việc độc lập, sáng tạo	CDR 15: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong các điều kiện làm việc thay đổi; Có khả năng chịu trách nhiệm cá nhân và theo nhóm; Có trách nhiệm trong việc bảo tồn các tài nguyên tự nhiên và văn hoá để phát triển du lịch; Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau trong ngành du lịch; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;	CDR 8: Hình thành những lựa chọn và đề xuất sáng tạo để thực hiện kinh doanh bền vững trong ngành du lịch và khách sạn.
		CDR 18: Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân: Tuân thủ luật pháp và có phẩm chất đạo đức	CDR 16: Phẩm chất đạo đức cá nhân: Tự tin khi giao tiếp và thực hành nghề trong môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài; Linh hoạt, khéo léo, tinh tế khi thực hành nghề và xử lý tình huống; Cầu thị, có tinh thần học hỏi, cầu tiến và đặt mục tiêu cho bản thân; Điềm tĩnh, tự chủ khi ra quyết định	
		CDR 19: Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp: Có tinh thần làm việc trách nhiệm, trung thực, nghiêm túc, tính kỷ luật cao; Có tác phong lịch sự, nhã nhặn, đúng mực; Say mê, yêu nghề và có tinh thần phục vụ	CDR 17: Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Tâm huyết, có trách nhiệm với công việc và nghề nghiệp; Trung thực, đáng tin cậy, chủ động khi thực hiện công việc; Có ý thức trách nhiệm trong xây dựng và phát triển đơn vị sử dụng lao động; Chu đáo, lắng nghe và thấu hiểu khi phục vụ khách hàng; Có hành vi và ứng	

PHÂN LOẠI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH, ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH, ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN, ĐẠI HỌC RMIT
			xử chuyên nghiệp; Chia sẻ thông tin, tương trợ đồng nghiệp;	
		CĐR 20: Trách nhiệm với môi trường và xã hội: bảo vệ môi trường, bảo vệ giá trị văn hóa, truyền thống của dân tộc	CĐR 18: Phẩm chất đạo đức xã hội: Có trách nhiệm với khách hàng, cộng đồng, xã hội và môi trường; Tuân thủ luật pháp trong nước và quốc tế	

PHỤ LỤC 6

MA TRẬN VỀ SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA VỀ KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

STT	Học kỳ	BB/TC	Mã học HP	Tên học phần	Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng chung				Kỹ năng chuyên môn				Tự chủ													
					PI1.1. Áp dụng	PI1.2. Áp dụng	PI1.3. Áp dụng	PI2.1. Áp dụng	PI2.2. Áp dụng	PI3.1. Áp dụng được	PI3.2. Áp dụng được	PI3.3. Áp dụng được	PLO	PI4.1. Xây dựng	PI4.2. Xây dựng	PI5.1. Ứng xử	PI5.2. Sử dụng	PI5.3. Sử dụng	PI6.1. Phối hợp	PI6.2. Trao đổi	PI7.1. Sử dụng	PI7.2. Sử dụng	PI7.3. Sử dụng	PI8.1. Sử dụng	PI8.2. Sử dụng	PI8.3. Sử dụng	PI9.1. Xác định	PI9.2. Áp dụng	PI9.3. Đưa ra	PI10.1: Thể hiện	PI10.2: Đề xuất		
1	1	BB	XH91001	Pháp luật đại cương		P	I									I														I			
2	1	BB	KE91028	Khởi nghiệp và văn hoá kinh doanh		P	P									P	I													I	M		
3	1	BB	DN94015	Tổng quan quản lý và phát triển DL	P							I											I							I			
4	1	BB	DN94023	Văn hóa du lịch và quản lý di sản				I		I		P				P														I			
5	1	BB	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng		P										P	I													I			
6	1	BB	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyên ngành	I		P									I	P	I												I			
9	2	BB	DN94020	Nghiệp vụ hướng dẫn và hoạt động							P			R									P							P	I		
10	2	BB	DN94003	Quản trị du lịch			P			P									P											R			
11	2	BB	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	I		P										I													I			
12	2	BB	TM91012	Sinh thái và môi trường	P		P										I													I			
13	2	BB	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế		P	P									P	I	I												I			
14	2	BB	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin			I									I														I			
16	3	BB	DN94005	Kinh doanh khách sạn và nhà hàng				I			R																I			P			
17	3	BB	KE92064	Marketing căn bản			I		P							P														I			
18	3	BB	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học			R										I													I			
20	3	BB	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	P		P										I													I	M		
21	3	BB	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin			P									I														I			
22	3	BB	DN91034	Tiếng Anh 1												I			R											I			
25	4	BB	DN94021	Thiết kế và điều hành chương trình			I			P			R													R				R			
26	4	BB	DN93015	Phương pháp nghiên cứu khoa học						P			I				P											M	P		P		
27	4	BB	DN94016	Địa lý du lịch (PP đồ án)			I						R						P				P							P			
29	4	BB	DN91035	Tiếng Anh 2											P				M									P			P		
32	4	BB	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		R											I													I			
33	4	BB	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh		R											I													I			
34	5	BB	KT92104	Nguyên lý thống kê				P									P			I										I			
35	5	BB	KE92001	Nguyên lý kế toán			I	P			I								I											I			
36	5	BB	TH92029	Cơ sở toán cho các nhà kinh tế					I							P			I											I			
38	5	BB	KT92025	Nguyên lý kinh tế	I			P								P														I			
39	5	BB	DN94018	Kinh tế và marketing du lịch					R		P					P														P			
40	5	BB	DN94017	Du lịch nông nghiệp và sinh thái									P	R					P				P					M			R		
41	5	TC	KE94073	Nguyên lý thương mại điện tử					P								P														I		
42	5	TC	DN94001	Du lịch bền vững và tiêu chuẩn		P						R								I											R		
43	6	BB	DN94022	Tổ chức chương trình du lịch			P			R						P							R								P		
44	6	BB	DN94378	Thực tập nghề nghiệp Quản lý và phát triển Du lịch (PP đồ án)			P					R															R	P	P		R		
45	6	TC	DN94002	Phát triển du lịch cộng đồng						R						P															R		
46	6	TC	KE94076	Quản trị thương mại điện tử					P							P	P														I		
47	7	BB	DN94024	Xây dựng đồ án và sản phẩm du lịch		P									M					P			R								R	R	
48	7	BB	DN94004	Quản trị tài chính trong du lịch				R				R								P											P		
49	7	TC	CP94063	Hệ thống QLCL và Văn hóa			I	P				P				I															I		
50	7	TC	DN94026	Du lịch MICE			P				R															R					R		
51	7	TC	DN94019	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn			P				R													R							P		
52	7	TC	KE94037	Quản trị bán hàng			P										P														R		
53	7	TC	DN94071	Tiếng Trung 1												P		I	I												I		
54	7	TC	DN94025	Kỹ năng tổ chức sự kiện									M							P							M				P		
55	8	BB	DN94493	Khoá luận tốt nghiệp/ Đồ án tốt nghiệp							M			M														M	R	P		R	

PHỤ LỤC 7

LỘ TRÌNH HỌC TẬP

Học kỳ 1	Pháp luật đại cương	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Tổng quan quản lý và phát triển DL	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Văn hóa và quản lý di sản văn hóa	Tiếng Anh bổ trợ		Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Giáo dục thể chất đại cương	Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 0
Học kỳ 2	Nghiệp vụ hướng dẫn và hoạt náo du lịch	Nông nghiệp hiện đại	Sinh thái và môi trường	Quản trị du lịch	Triết học Mác - Lê Nin	Thương mại và hội nhập quốc tế	Tiếng Anh 0	Kỹ năng mềm	Giáo dục thể chất	Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 0
Học kỳ 3	Kinh doanh khách sạn nhà hàng	Chủ nghĩa khoa học xã hội	Marketing căn bản	Tổ chức và quản lý kinh tế	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Tiếng Anh 1	Giáo dục thể chất	Đường lối quân sự của Đảng	Công tác quốc phòng - An ninh	Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 0
Học kỳ 4	Lịch sử Đảng cộng sản VN	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tiếng Anh 2	Giáo dục thể chất đại cương	Quân sự chung	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và CT	Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 0
Học kỳ 5	Kinh tế và marketing du lịch	Du lịch nông nghiệp và sinh thái	Nguyên lý thương mại điện tử	Nguyên lý kinh tế	Cơ sở toán cho các nhà kinh tế	Nguyên lý thống kê	Nguyên lý kế toán	Du lịch bền vững và tiêu chuẩn dịch vụ du lịch		Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 3
Học kỳ 6	Tổ chức chương trình du lịch			Phát triển du lịch cộng đồng	Quản trị thương mại điện tử	Thực tập nghề nghiệp quản lý và phát triển du lịch			Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 3	
Học kỳ 7	Xây dựng đồ án và sản phẩm du lịch	Quản trị tài chính trong du lịch	Hệ thống QLCL và văn hóa an toàn thực phẩm	Du lịch MICE	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	Quản trị bán hàng		Tiếng Trung 1	Kỹ năng tổ chức sự kiện	Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 9
Học kỳ 8	Khóa luận tốt nghiệp ngành QL&PT DL									Tổng số tín chỉ tích lũy ≥ 70%; ĐTBCTL ≥ 2.0;
	Tổng số tín chỉ bắt buộc			120	BB		Khối kiến thức đại cương			
	Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			15	TC		Khối kiến thức cơ sở ngành			
	Tổng số tín chỉ trong chương trình đào tạo			135.0	PCBB		Khối kiến thức chuyên ngành			

